

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 40



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 10 ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2022 được bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị và được bầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017
Ông Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

Ngày 28 tháng 3 năm 2023

0815-C
NHÂN
NG T
NHỆM H
AN VÀ
& C
HÀ N
A - T

Số: 2.0256/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội**

Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2897-2020-008-1
Người được ủy quyền

Phạm Quốc Huy - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4918-2019-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		625.359.848.733	639.138.441.026
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	96.266.569.169	142.924.856.999
1. Tiền	111		91.266.569.169	135.424.856.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	7.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		429.864.380.243	445.886.886.710
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	381.042.193.562	413.917.490.280
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.549.008.177	17.818.726.856
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	30.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	34.787.905.832	31.989.181.621
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(20.514.727.328)	(17.838.512.047)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		71.572.908.053	43.757.372.252
1. Hàng tồn kho	141	V.8	71.572.908.053	43.757.372.252
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.655.991.268	6.569.325.065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	4.550.683.929	5.042.709.477
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.16	21.845.035.532	1.526.615.588
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.260.271.807	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.198.555.788.083	1.110.498.111.343
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.071.400.000	3.340.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	12.071.400.000	3.100.000.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	240.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		757.444.702.487	623.552.303.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	757.444.702.487	623.191.183.364
<i>Nguyên giá</i>	222		2.147.765.425.093	1.893.686.811.087
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.390.320.722.606)	(1.270.495.627.723)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	361.119.988
<i>Nguyên giá</i>	225		-	975.999.999
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(614.880.011)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		448.600.000	448.600.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(448.600.000)	(448.600.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.642.983.158	166.514.096.758
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	4.642.983.158	166.514.096.758
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	334.746.770.000	288.546.770.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		180.722.400.000	145.022.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		154.024.370.000	143.524.370.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		89.649.932.438	28.544.941.233
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	89.649.932.438	28.544.941.233
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.823.915.636.816	1.749.636.552.369

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.057.643.720.068	1.038.221.008.371
I. Nợ ngắn hạn	310		552.483.083.861	508.349.958.231
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	214.371.309.044	181.556.278.547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	8.923.233.200	4.636.918.335
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	715.112.707	2.484.126.533
4. Phải trả người lao động	314		9.882.223.095	15.140.693.738
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	39.035.309.644	56.401.752.261
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	28.059.441.882	14.964.126.551
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	240.247.819.955	218.591.352.156
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	11.248.634.334	14.574.710.110
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		505.160.636.207	529.871.050.140
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	23.700.000	23.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	505.136.936.207	529.847.350.140
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		766.271.916.748	711.415.543.998
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	766.271.916.748	711.415.543.998
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		309.998.860.000	267.981.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		309.998.860.000	267.981.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		237.741.139.791	239.272.619.854
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.872.565.779	26.872.565.779
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.659.351.178	177.289.108.365
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.084.284.102	177.289.108.365
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		126.575.067.076	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.823.915.636.816	1.749.636.552.369

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Tổng Giám đốc

Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.020.857.416.478	1.107.564.405.019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.020.857.416.478	1.107.564.405.019
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	816.734.239.753	893.004.972.801
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		204.123.176.725	214.559.432.218
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	48.241.777.042	18.495.311.006
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	69.989.319.587	55.549.973.714
Trong đó: chi phí lãi vay	23		65.134.653.176	54.181.839.807
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.734.391.617	7.871.596.467
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	61.529.713.706	58.548.565.090
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		112.111.528.857	111.084.607.953
11. Thu nhập khác	31	VI.7	35.169.633.604	31.735.481.016
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.402.470.850	570.329.614
13. Lợi nhuận khác	40		33.767.162.754	31.165.151.402
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		145.878.691.611	142.249.759.355
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	5.239.728.193	7.295.992.899
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>140.638.963.418</u>	<u>134.953.766.456</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Hải Đăng

Vũ Quang Tiến

Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		145.878.691.611	142.249.759.355
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10-12	149.857.279.570	159.304.210.599
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	2.676.215.281	5.300.681.808
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(256.813.669)	264.503.510
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(67.889.221.799)	(41.488.262.123)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	65.134.653.176	54.181.839.807
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		295.400.804.170	319.812.732.956
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.785.155.755	(59.178.379.705)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27.815.535.801)	2.472.368.106
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.074.136.513	85.190.835.631
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(63.333.194.341)	13.606.907.416
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(68.534.703.140)	(49.991.373.493)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(7.717.255.517)	(16.261.053.682)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		47.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(20.136.047.447)	(19.994.823.882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		118.770.360.192	275.657.213.347
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(132.643.055.538)	(319.521.868.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		44.017.845.533	79.650.963.170
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(46.200.000.000)	(22.275.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2	-	40.846.428.462
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.796.937.858	15.853.169.395
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(119.028.272.147)	(205.446.307.173)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.981.250.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	470.842.080.196	485.431.758.521
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(473.711.714.812)	(369.163.113.151)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(184.311.518)	(258.630.419)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.877.000.000)	(82.453.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(45.930.946.134)	36.538.104.951
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(46.188.858.089)	106.749.011.125
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	142.924.856.999	36.502.932.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(469.429.741)	(327.086.206)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.11	96.266.569.169	142.924.856.999

Người lập biểu

Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển Tân Cảng	Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống; cho thuê máy móc thiết bị	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Số 39 đường Trần Hưng Đạo, khu phố Kiên Tân, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Số 722 đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động xây dựng dân dụng khác: nạo vét luồng lạch; Thi công nền móng bằng phương pháp khoan cọc nhồi. Trục vớt, nạo vét công trình thủy.	60,00%	60,00%	60,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	31,00%	31,00%	31,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam	Số 19-20 Khu đô thị Núi Long, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	35,00%	35,00%	35,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 309 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 380 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

498
CHI M
CÓN
CH NH
TOÁI
A
TẠI
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

15-0
HÀN
G T
M HI
VÀ
% C
IÀ N
- T

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa tài sản; chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ; chi phí duy tu cảng, đường bãi container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 10
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn, Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải, truyền dẫn có số năm khấu hao là 5 - 6 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

49
CHI
CỔ
H NI
10
A
TÀI
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

515-
NHÀ
HÀ
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.690.922.719	1.070.875.495
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	89.575.646.450	134.353.981.504
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) (*)	5.000.000.000	7.500.000.000
Cộng	96.266.569.169	142.924.856.999

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 5.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	180.722.400.000	-	145.022.400.000	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	51.000.000.000	-	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	64.022.400.000	-	64.022.400.000	-
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng ⁽ⁱ⁾	35.700.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	154.024.370.000	-	143.524.370.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	121.249.370.000	-	121.249.370.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry	22.275.000.000	-	22.275.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	10.500.000.000	-	-	-
Cộng	334.746.770.000	-	288.546.770.000	-

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	5.100.000	51,00%	5.100.000	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	3.000.000	60,00%	3.000.000	60,00%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	6.402.240	54,00%	6.402.240	54,00%
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	3.000.000	60,00%	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	3.911.270	31,00%	3.911.270	31,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry	2.025.000	45,00%	2.025.000	45,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam	1.050.000	35,00%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Trong năm, Công ty đã góp 35.700.000.000 VND (tương ứng với 3.570.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 VND) để thành lập Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng (“TCDG”), chiếm tỷ lệ 60% vốn điều lệ của TCDG.
- (ii) Trong năm, Công ty đã góp 10.500.000.000 VND (tương ứng với 1.050.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 VND) để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam (“YICO”). Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2803017999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2022, YICO có vốn điều lệ là 300.000.000.000 VND (tương ứng với 30.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần), trong đó Công ty đầu tư 105.000.000.000 VND (tương ứng 10.500.000 cổ phần), chiếm 35% vốn điều lệ của YICO. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn phải góp thêm vào YICO là 94.500.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang và Công ty Cổ phần Đầu tư và Du thuyền Việt Nam hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các Công ty khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng		
Công ty con cho thuê tài sản	31.980.000.000	32.060.000.000
Công ty con cung cấp dịch vụ	5.465.504.087	3.400.958.979
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty con	1.322.382.073	20.540.331.009
Bán tài sản cho Công ty con	400.000.000	350.000.000
Công ty con chia cổ tức	15.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang		
Lãi vay phải trả công ty con	2.960.113.099	2.960.113.099
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc		
Doanh thu cho công ty con thuê tàu	11.160.000.000	44.001.659.351
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho công ty con	155.069.453	-
Công ty con cung cấp dịch vụ	6.986.139.484	5.130.698.090
Công ty con chia cổ tức	13.444.704.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry		
Doanh thu phí vận chuyển	-	1.400.000.000
Doanh thu cho thuê phương tiện	-	12.557.500.000
Công ty con cung cấp dịch vụ	3.896.243.100	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ		
Công ty liên kết chia cổ tức	8.136.213.300	8.196.509.022
Công Ty Cổ Phần Trục Vớt và Nạo Vét Tân Cảng		
Doanh thu cho công ty con thuê tàu	24.807.272.700	-
Lãi vay phải trả công ty con	381.369.862	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	164.713.738.330	177.114.086.916
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	109.780.100.145	128.018.284.194
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	17.562.905.327	20.612.536.722
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	449.000.000	2.047.800.000
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	12.960.000.000	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	4.884.432.888	9.935.466.000
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	19.077.299.970	-
Phải thu các khách hàng khác	216.328.455.232	236.803.403.364
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	22.713.551.441	53.242.391.104
Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)	13.883.420.945	9.607.374.852
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình Năng lượng Biển	12.221.720.616	12.216.386.193
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu	25.756.224.458	8.129.142.650
Marin East Company Limited	16.691.330.000	-
Aussie Offshore Services Limited	1.973.038.810	29.300.259.651
Jungwon Maritime Pte. Ltd	21.680.737.947	20.967.616.708
Các khách hàng khác	101.408.431.015	103.340.232.206
Cộng	381.042.193.562	413.917.490.280

3b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu dài hạn Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	-	500.000.000
Trả trước cho người bán khác	4.549.008.177	17.318.726.856
Haridass Ho & Partners	-	11.647.725.000
Công ty TNHH Một thành viên Cao su 75	-	2.138.400.000
Công ty Cổ phần Long SBS Việt Nam	-	1.243.352.550
Mithila Marine Agency Pvt. Ltd.	795.048.360	-
Các nhà cung cấp khác	3.753.959.817	2.289.249.306
Cộng	4.549.008.177	17.818.726.856

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng ⁽ⁱ⁾	27.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry ⁽ⁱⁱ⁾	3.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Là khoản cho Công ty Cổ Phần Trục Vót và Nạo Vét Tân Cảng vay theo hợp đồng số 03/2022/HĐVT/TCO-TCGD ngày 03 tháng 10 năm 2022. Giá trị hợp đồng là 30.000.000.000VND với thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên. Lãi suất vay cố định 8%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý. Số tiền vay đã chuyển 27.000.000.000VND theo Giấy báo nợ ngân hàng số BNVC/010/10/22 ngày 13 tháng 10 năm 2022 và BNMB/003/12/22 ngày 02/12/2022.
- (ii) Là khoản cho Công ty Cổ phần Tân Cảng – Gantry vay theo hợp đồng số 04/2022/HĐVT/TCO-TCGT ngày 18 tháng 11 năm 2022. Giá trị hợp đồng là 10.000.000.000VND với thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày nhận tiền vay đầu tiên. Lãi suất vay cố định 9%/năm, tiền lãi trả định kỳ theo quý. Số tiền vay đã chuyển 3.000.000.000VND theo Giấy báo nợ ngân hàng số BNMB/080/11/22 ngày 30 tháng 11 năm 2022.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	27.710.988.410	-	6.091.389.615	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc - Cổ tức được chia	19.206.720.000	-	5.762.016.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:	7.708.022.180	-	89.373.615	-
- Cổ tức phải thu	7.650.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	58.022.180	-	89.373.615	-
Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng - Lãi vay phải thu	532.574.997	-	-	-
- Lãi vay phải thu	451.506.850	-	-	-
- Phải thu khác	81.068.147	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Tân Cảng Gantry Lãi vay phải thu	23.671.233	-	-	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng (*)	240.000.000	-	240.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	7.076.917.422	-	25.897.792.006	-
Dự thu lãi tiền gửi	21.364.110	-	8.417.435	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Ký quỹ mở L/C	-	-	19.383.061.236	-
Ký cược, ký quỹ	1.238.174.900	-	1.405.174.900	-
Tạm ứng	3.975.460.726	-	4.428.958.290	-
Thuế GTGT chưa kê khai	1.503.321.466	-	64.800.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	338.596.220	-	607.380.145	-
Cộng	34.787.905.832	-	31.989.181.621	-

Khoản cho Ông Dũng - Phó Tổng Giám đốc vay tiền mua tài sản theo Hợp đồng số 001/2021/HĐVT-TCO ngày 26/11/2021, số tiền 480.000.000 VND, lãi suất 0%, mỗi tháng thu hồi 20.000.000 VND bằng cách trừ vào lương, thời hạn thu hồi đến hết ngày 25/11/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)	> 3 năm	6.418.557.288	(5.627.143.844)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải		-		- Từ 2 - < 3 năm	700.000.000	(490.000.000)
Jungwon Maritime Pte. Ltd	Từ 2 - < 3 năm	21.267.976.405	(14.887.583.484)	Từ 1 - < 2 năm	21.267.976.405	(10.633.988.203)
Công ty TNHH Vận tải Xăng dầu Nam Phát Đạt		-		- Từ 2 - < 3 năm	1.553.400.000	(1.087.380.000)
Cộng		27.686.533.693	(20.514.727.328)		29.939.933.693	(17.838.512.047)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.838.512.047	12.537.830.239
Trích lập dự phòng bổ sung	4.679.615.281	5.300.681.808
Hoàn nhập dự phòng	(2.003.400.000)	-
Số cuối năm	20.514.727.328	17.838.512.047

8. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển ngoài khơi.

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	4.303.984.803	4.740.681.659
Chi phí kiểm tra, giám định tàu	246.699.126	129.492.085
Chi phí đăng kiểm	-	164.906.133
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	7.629.600
Cộng	4.550.683.929	5.042.709.477

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	35.658.425.985	2.015.210.786
Chi phí sửa chữa tàu, bảo dưỡng tàu	20.795.820.597	13.973.711.108
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	27.549.863.563	10.194.523.391
Chi phí sửa chữa văn phòng	339.652.874	979.487.221
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.306.169.419	1.382.008.727
Cộng	89.649.932.438	28.544.941.233

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	416.008.714.510	988.560.879.041	477.052.974.812	10.866.022.469	1.198.220.255	1.893.686.811.087
Mua trong năm	-	-	294.278.552.289	-	-	294.278.552.289
Thanh lý, nhượng bán	-	(575.387.927)	(29.732.119.161)	(9.892.431.195)	-	(40.199.938.283)
Số cuối năm	416.008.714.510	987.985.491.114	741.599.407.940	973.591.274	1.198.220.255	2.147.765.425.093
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	278.392.372.398	367.855.624.662	4.381.411.157	575.500.364	1.159.583.891	652.364.492.472
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	394.788.448.501	715.592.595.198	148.228.245.405	10.711.729.479	1.174.609.140	1.270.495.627.723
Khấu hao trong năm	14.099.867.220	80.335.815.652	55.139.872.554	106.178.690	12.878.784	149.694.612.900
Thanh lý, nhượng bán	-	(543.596.278)	(19.438.488.654)	(9.887.433.085)	-	(29.869.518.017)
Số cuối năm	408.888.315.721	795.384.814.572	183.929.629.305	930.475.084	1.187.487.924	1.390.320.722.606
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	21.220.266.009	272.968.283.843	328.824.729.407	154.292.990	23.611.115	623.191.183.364
Số cuối năm	7.120.398.789	192.600.676.542	557.669.778.635	43.116.190	10.732.331	757.444.702.487
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 734.401.642.420 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	975.999.999	(614.880.011)	361.119.988
Trả lại tài sản thuê tài chính	(975.999.999)	777.546.681	(198.453.318)
Khấu hao trong năm	-	(162.666.670)	(162.666.670)
Số cuối năm	-	-	-

12. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển để bán/phân bổ	Số cuối năm
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>161.871.113.600</i>	<i>221.983.172.569</i>	<i>(294.278.552.289)</i>	<i>(89.575.733.880)</i>	-
Mua sắm tài sản cố định tàu TC Victoria	148.557.500	76.048.336.714	-	(76.196.894.214)	-
Mua sắm tài sản cố định tàu TAG14 (TC Venus)	-	104.019.768.544	(104.019.768.544)	-	-
Mua sắm tàu Nha Trang	161.722.556.100	41.915.067.311	(190.258.783.745)	(13.378.839.666)	-
<i>Xây dựng cơ bản dở dang (*)</i>	<i>4.642.983.158</i>	-	-	-	<i>4.642.983.158</i>
Dự án 52 - 58 Trần Phú Nha Trang	542.740.734	-	-	-	542.740.734
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng	3.013.636.364	-	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	1.086.606.060	-	-	-	1.086.606.060
Cộng	166.514.096.758	221.983.172.569	(294.278.552.289)	(89.575.733.880)	4.642.983.158

(*) Các công trình xây dựng cơ bản dở dang trong năm không thực hiện thêm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sẽ được tiếp tục khi tình hình khả quan hơn.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	41.821.612.126	42.091.920.538
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	1.728.000.000	5.030.632.707
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.446.340.970	1.671.427.034
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	17.844.653.000	14.180.818.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	8.035.200.000	9.141.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng.	-	875.142.950
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa	3.740.204.100	6.966.639.220
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	148.050.000	747.215.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	3.247.224.446	3.479.045.627
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	1.631.939.610	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	172.549.696.918	139.464.358.009
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	32.389.903.015	20.944.397.083
Aussie Offshore Services Limited	28.211.714.244	10.792.757.200
Công ty TNHH Cơ giới Mỹ Dung	13.077.074.582	-
Công ty TNHH Xăng Dầu Long Sơn	11.473.000.000	19.686.750.000
Các nhà cung cấp khác	87.398.005.077	88.040.453.726
Cộng	214.371.309.044	181.556.278.547

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	599.650.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	-	599.650.000
Trả trước của các khách hàng khác	8.923.233.200	4.037.268.335
Nanjing Tianchen Shipping Engineering Co., Ltd.,	-	1.869.450.000
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Sơn Hà	-	1.925.000.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Huỳnh Thy	8.923.233.200	-
Các khách hàng khác	-	242.818.335
Cộng	8.923.233.200	4.636.918.335

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	8.164.589.334	(8.164.589.334)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	24.360.615.816	(24.360.615.816)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	9.233.133.193	(9.233.133.193)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.217.255.517	-	5.239.728.193	(7.717.255.517)	-	1.260.271.807
Thuế thu nhập cá nhân	1.062.294.733	-	12.557.455.270	(13.036.472.798)	583.277.205	-
Thuế môi trường	-	-	202.000.000	(202.000.000)	-	-
Thuế nhà thầu	204.576.283	-	460.037.982	(532.778.763)	131.835.502	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	2.484.126.533	-	60.220.559.788	(63.249.845.421)	715.112.707	1.260.271.807

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026) đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2028.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.878.691.611	142.249.759.355
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(4.203.210.435)	3.645.533.992
Các khoản điều chỉnh tăng	4.127.247.641	3.707.316.451
Chi phí không hợp lệ	3.847.616.695	3.170.404.751
CLTG chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	279.630.946	536.911.700
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.330.458.076)	(61.782.459)
Lỗ CLTG đánh giá lại tiền và các khoản phải thu cuối năm trước đã thực hiện năm nay	(536.911.700)	(61.782.459)
Chi phí không tương ứng doanh thu 2020 loại trừ nhưng chưa hoàn nhập 2021	(7.793.546.376)	-
Thu nhập chịu thuế	141.675.481.176	145.895.293.347
Thu nhập miễn thuế (cổ tức được chia)	(36.880.917.300)	(8.196.509.022)
Thu nhập tính thuế	104.794.563.876	137.698.784.325
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động khai thác cảng biển	104.794.563.876	137.698.784.325
Thuế suất thuế TNDN phổ thông	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khai thác cảng	10%	10%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	20.958.912.775	27.539.756.865
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(10.479.456.388)	(13.769.878.432)
Thuế TNDN được miễn, giảm (50%)	(5.239.728.194)	(6.884.939.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.239.728.193	6.884.939.217
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	-	411.053.682
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.239.728.193	7.295.992.899

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>13.638.709.952</i>	<i>13.392.966.497</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thuê đất	8.964.927.455	8.940.632.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang – Lãi vay phải trả	4.452.334.497	4.452.334.497
Công ty TNHH MTV Hải Sản Trường Sa Phí cầu cảng	221.448.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>25.396.599.692</i>	<i>43.008.785.764</i>
Lãi vay phải trả	16.056.591.714	19.456.641.678
Chi phí thuê tàu phải trả	567.765.000	10.039.595.344
Chi phí nhiên liệu phải trả	1.761.763.549	12.109.176.401
Chi phí thuyền viên nước ngoài	5.118.854.643	-
Chi phí thuê xe nâng	1.189.200.000	627.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	702.424.786	776.372.341
Cộng	<u>39.035.309.644</u>	<u>56.401.752.261</u>

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>25.758.573.252</i>	<i>289.471.601</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	25.178.802.990	284.471.601
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>24.118.312.500</i>	<i>-</i>
<i>Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả</i>	<i>94.664.423</i>	<i>284.471.601</i>
<i>Phải trả về thanh toán thừa</i>	<i>965.826.067</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng – Tiền chi hộ	5.000.000	5.000.000
Kinh phí hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	574.770.262	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.300.868.630</i>	<i>14.674.654.950</i>
Kinh phí công đoàn	58.865.644	239.239.151
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.230.808.300	3.794.200.000
Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai	-	10.572.544.019
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	11.194.686	68.671.780
Cộng	<u>28.059.441.882</u>	<u>14.964.126.551</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	140.133.559.639	131.030.332.656
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hồ Chí Minh	54.701.083.929	45.392.697.081
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú	51.909.365.164	51.546.252.749
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	33.523.110.546	34.091.382.826
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	100.114.260.316	87.386.534.188
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú	13.000.400.000	13.000.400.000
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu	8.905.400.000	8.905.400.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	30.492.786.748	30.200.734.188
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	47.715.673.568	35.280.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	-	174.485.312
Cộng	240.247.819.955	218.591.352.156

Thông tin bổ sung về các khoản vay ngắn hạn:

<u>Ngân hàng/Hợp đồng vay</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Hợp đồng cấp tín dụng số 0038/2275/N-CTD ngày 19 tháng 4 năm 2022	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 100.000.000.000 VND	12 tháng	5,9%- 8,5%/năm	Cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB / Thẻ chấp hai Cầu RTG 6+1/ Thẻ chấp 01 cầu bờ trực hiệu Kocks 73013/ Các quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng cho thuê thiết bị với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng 87252.22.151.1131175.TD ngày 23/09/2022	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,8% đến 9%/năm	01 cầu bờ Container hiệu Kocks, 01 tàu TC ROYAL
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa				
Hợp đồng tín dụng ngày 31/12/2021	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND	12 tháng	5,4% đến 9,4%/năm	02 cầu bờ Container hiệu Kocks

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	131.030.332.656	87.386.534.188	174.485.312	218.591.352.156
Số tiền vay phát sinh	315.959.006.397	-	9.826.206	315.968.832.603
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	146.999.503.263	-	146.999.503.263
Số tiền vay đã trả	(306.855.779.414)	(134.271.777.135)	(184.311.518)	(441.311.868.067)
Số cuối năm	140.133.559.639	100.114.260.316	-	240.247.819.955

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan	87.494.545.000	87.494.545.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	36.494.545.000	36.494.545.000
Các cá nhân bên liên quan khác	51.000.000.000	51.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	303.842.391.207	346.252.805.140
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	3.250.100.000	16.250.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	120.158.933.740	148.899.405.140
Ngân hàng liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu	22.263.500.000	31.168.900.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	158.169.857.467	149.934.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	113.800.000.000	96.100.000.000
Cộng	505.136.936.207	529.847.350.140
<i>Trong đó:</i>		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn các tổ chức ⁽ⁱ⁾	340.336.936.207	382.747.350.140
Vay dài hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	164.800.000.000	147.100.000.000
Cộng	505.136.936.207	529.847.350.140

⁽ⁱ⁾ Thông tin bổ sung về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của các tổ chức:

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang				
Hợp đồng tín dụng ký năm 2020	Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh	05 năm	8%/năm	Không có tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú				
Hợp đồng tín dụng ngày 28/11/2017	Đầu tư tàu Olympic Progress/ Hạn mức vay tương đương 1.400.000 USD	05 năm	8,1% đến 9,6%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng ngày 14/3/2019	Đầu tư tàu Armada Tuah 304/ Hạn mức vay tương đương 3.200.000 USD	05 năm	8,4%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Hợp đồng ngày 26/4/2021	Đầu tư tàu TC Dolphin/ Hạn mức vay: 65.000.000.000 VND	05 năm	7,0%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng vay				
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (tt)				
Hợp đồng ngày 8/11/2021	Đầu tư tàu nạo vét xén thổi 650/ Hạn mức vay: 129.920.000.000 VND	07 năm	7,29%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga – Chi nhánh Vũng Tàu

Hợp đồng ngày 04/5/2021 Đầu tư mua tàu TC Eagle 05 năm 7,0%/năm Tài sản hình thành từ vốn vay

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hợp đồng ngày 15/6/2022 Đầu tư 01 tàu TC Venus 60 tháng 7,9%/năm Tài sản hình thành từ vốn vay

(ii) Thông tin bổ sung về các khoản vay dài hạn cá nhân:

Khoản vay dài hạn các cá nhân để tăng cường vốn cho hoạt động offshore (thời hạn vay 05 năm, tự động gia hạn), đầu tư mua tàu TC89, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks (thời hạn vay theo thời gian hoạt động của dự án, lần lượt là 10 năm, 7 năm và 8 năm). Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư tàu TC 89 và Phục vụ hoạt động offshore (lãi suất 9,0%/năm)	133.000.000.000	142.420.000.000
Bên liên quan	50.000.000.000	50.000.000.000
Các cá nhân khác	83.000.000.000	92.420.000.000
Đầu tư thiết bị ROV ATOM và cầu Kocks (lãi suất 25,0%/năm)	31.800.000.000	31.800.000.000
Bên liên quan	1.000.000.000	1.000.000.000
Cán bộ nhân viên Công ty	200.000.000	200.000.000
Các cá nhân khác	30.600.000.000	30.600.000.000
Đầu tư tàu TC 69 (lãi suất 18%/năm)	-	3.459.425.000
Các cá nhân khác	-	3.459.425.000
Cộng	164.800.000.000	177.679.425.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn bên liên quan	36.494.545.000	-	36.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	450.841.894.470	146.999.503.263	288.900.077.487	14.942.313.720
Vay dài hạn các cá nhân khác	164.800.000.000	-	164.800.000.000	-
Cộng	652.136.439.470	146.999.503.263	490.194.622.487	14.942.313.720
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	87.494.545.000	-	87.494.545.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	433.639.339.328	87.386.534.188	302.881.336.752	43.371.468.388
Vay dài hạn các cá nhân khác	96.100.000.000	-	96.100.000.000	-
Nợ thuê tài chính	174.485.311	174.485.311	-	-
Cộng	617.408.369.639	87.561.019.499	486.475.881.752	43.371.468.388

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn bên liên quan	Vay dài hạn các cá nhân khác	Cộng
Số đầu năm	346.252.805.140	87.494.545.000	96.100.000.000	529.847.350.140
Số tiền vay phát sinh	106.873.247.593	15.000.000.000	33.000.000.000	154.873.247.593
Số tiền vay đã trả	(2.284.158.263)	(15.000.000.000)	(15.300.000.000)	(32.584.158.263)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(146.999.503.263)	-	-	(146.999.503.263)
Số cuối năm	303.842.391.207	87.494.545.000	113.800.000.000	505.136.936.207



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	4.368.511.483	7.031.948.171	-	(8.064.567.829)	3.335.891.825
Quỹ phúc lợi	6.656.988.323	7.031.948.171	47.000.000	(7.622.269.314)	6.113.667.180
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	3.549.210.304	2.699.075.329	-	(4.449.210.304)	1.799.075.329
Cộng	14.574.710.110	16.762.971.671	47.000.000	(20.136.047.447)	11.248.634.334

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cộng
Năm trước					
Số dư đầu năm	265.000.000.000	203.020.614.134	169.346.126.848	26.872.565.779	664.239.306.761
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	2.981.250.000	-	-	-	2.981.250.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	36.252.005.720	(52.565.408.293)	-	(16.313.402.573)
Chia cổ tức	-	-	(60.950.000.000)	-	(60.950.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	134.953.766.456	-	134.953.766.456
Trích quỹ KGPL năm trước	-	-	(13.495.376.646)	-	(13.495.376.646)
Số dư cuối năm	267.981.250.000	239.272.619.854	177.289.108.365	26.872.565.779	711.415.543.998
Năm nay					
Số dư đầu năm	267.981.250.000	239.272.619.854	177.289.108.365	26.872.565.779	711.415.543.998
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	42.017.610.000	(42.017.610.000)	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	140.638.963.418	-	140.638.963.418
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	40.486.129.937	(43.185.205.266)	-	(2.699.075.329)
Chia cổ tức	-	-	(2.024.306.497)	-	(2.024.306.497)
Lợi nhuận trong năm	-	-	(66.995.312.500)	-	(66.995.312.500)
Trích quỹ KGPL năm nay	-	-	(14.063.896.342)	-	(14.063.896.342)
Số dư cuối năm	309.998.860.000	237.741.139.791	191.659.351.178	26.872.565.779	766.271.916.748

(*) Thực hiện Tờ trình số 05B/2021/TTr ngày 6/4/2021 đã được phê duyệt theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 02/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 27/4/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 03/12/2021 và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 24/01/2022 về triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 15,679735% (cổ đông sở hữu 100 cổ phần được nhận 15 cổ phần mới). Trong năm, Công ty đã phát hành 4.201.761 cổ phiếu cho 239 cổ đông hiện hữu, tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành là 30.999.886 cổ phần. Theo đó, Công ty đã ghi nhận giảm quỹ đầu tư phát triển tương ứng ghi tăng vốn góp của chủ sở hữu, số tiền là 42.017.610.000 VND.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	111.599.990.000	96.473.250.000
Các cổ đông khác	198.398.870.000	171.508.000.000
Cộng	309.998.860.000	267.981.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.999.886	26.798.125
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.999.886	26.798.125
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.999.886	26.798.125

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022:

<i>Phân phối lợi nhuận năm 2021</i>	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 66.995.312.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	: 40.486.129.937
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST) (đã trích trong năm 2021)	: 6.747.688.323
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST) (đã trích trong năm 2021)	: 6.747.688.323
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành (2% LNST)	: 2.699.075.329
• Trích kinh phí HĐQT, BKS (1,5% LNST)	: 2.024.306.497
<i>Tạm phân phối lợi nhuận năm 2022</i>	VND
• Trích quỹ khen thưởng (5% LNST)	: 7.031.948.171
• Trích quỹ phúc lợi (5% LNST)	: 7.031.948.171

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 2.355.914,69 USD (số đầu năm là 3.861.592,8 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	747.692.797.297	749.726.213.649
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	262.464.668.439	345.639.902.245
Doanh thu dịch vụ khác	10.699.950.742	12.198.289.125
Cộng	<u>1.020.857.416.478</u>	<u>1.107.564.405.019</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Phí cho dịch vụ cho thuê tài sản tại Cảng	204.142.286.366	282.061.411.678
Phí dịch vụ khác	-	9.606.289.125
Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản cho các đơn vị:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	-	9.218.500.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	132.013.468	1.577.909.091
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	57.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	-	110.000.000
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ ngoài khơi	692.642.735.483	769.610.874.246
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	114.380.506.615	111.279.809.430
Giá vốn dịch vụ khác	9.710.997.655	12.114.289.125
Cộng	816.734.239.753	893.004.972.801
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền	328.300.010	331.710.057
Cổ tức, lợi nhuận được chia	36.880.917.300	8.196.509.022
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.300.537.256	4.322.093.465
Lãi chuyển nhượng cổ phần tại công ty liên kết	-	5.644.998.462
Lãi tiền cho vay	475.178.083	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	256.813.669	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30.724	-
Cộng	48.241.777.042	18.495.311.006
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	65.134.653.176	54.181.839.807
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.469.962.256	1.103.630.397
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	264.503.510
Lỗ bán ngoại tệ	1.384.704.155	-
Cộng	69.989.319.587	55.549.973.714
5. Chi phí bán hàng		
Là chi phí hoa hồng.		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	32.662.357.685	33.510.527.254
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	807.956.573	622.491.609
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.344.309.192	1.274.743.728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	539.446.528	1.102.772.272
Thuế, phí và lệ phí	228.480.098	95.057.100
Dự phòng phải thu khó đòi	2.676.215.281	5.300.681.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.501.069.737	9.012.870.364
Chi phí bằng tiền khác	8.769.878.612	7.629.420.955
Cộng	<u>61.529.713.706</u>	<u>58.548.565.090</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	30.533.126.416	27.646.754.639
Thu thanh lý TSCĐ	41.650.000.000	82.629.570.000
GTCL của TSCĐ thanh lý	(10.764.490.433)	(49.283.979.847)
Chi phí thanh lý TSCĐ	(352.383.151)	(5.698.835.514)
Thu tiền bồi thường	4.621.672.873	4.088.726.367
Thu nhập khác	14.834.315	10
Cộng	<u>35.169.633.604</u>	<u>31.735.481.016</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.398.470.850	522.133.928
Xử lý khoản ký quỹ do chấm dứt hợp đồng	-	48.000.000
Chi phí khác	4.000.000	195.686
Cộng	<u>1.402.470.850</u>	<u>570.329.614</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.009.194.317	190.476.340.349
Chi phí nhân công	174.201.497.415	165.717.550.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	149.857.279.570	159.304.210.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.286.099.996	412.344.393.654
Chi phí khác	57.459.809.579	31.582.639.422
Cộng	<u>914.813.880.877</u>	<u>959.425.134.358</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài giao dịch và số dư công nợ với Ông Nguyễn Quốc Dũng – Phó Tổng Giám đốc đã được trình bày ở thuyết minh V.5, Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ nào khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch (từ ngày 28/04/2022)	-	-	-	-
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch (đến ngày 28/04/2022)	-	-	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên	-	-	90.000.000	90.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên / Tổng Giám đốc	1.015.680.600	217.580.100	54.000.000	1.287.260.700
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	456.647.838	97.085.473	-	553.733.311
Vũ Hải Yến	Thành viên (từ ngày 28/04/2022)	-	-	-	-
Phạm Đức Duy	Thành viên (từ ngày 28/04/2022)	210.706.260	44.090.460	-	254.796.720
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên (đến ngày 28/04/2022)	199.750.000	39.950.000	-	239.700.000
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	615.198.678	138.422.500	-	753.621.178
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	615.198.678	138.422.500	-	753.621.178
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/8/2022)	325.181.800	50.000.000	-	375.181.800
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	525.603.348	115.392.500	-	640.995.848
Cộng		3.963.967.202	840.943.533	252.000.000	5.056.910.735

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Năm trước					
Hội đồng quản trị					
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT (từ 27/2/2021)	-	-	297.000.000	297.000.000
Ngô Trọng Phan	Chủ tịch HĐQT (đến 27/2/2021)	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-	247.500.000	247.500.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.071.000.000	514.000.000	198.000.000	1.783.000.000
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng BKS	441.600.000	102.200.000	-	543.800.000
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên BKS	469.200.000	157.775.000	-	626.975.000
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên BKS	196.813.636	134.800.000	-	331.613.636
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	615.000.000	328.025.000	-	943.025.000
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	615.000.000	328.025.000	-	943.025.000
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	552.000.000	324.500.000	-	876.500.000
Vũ Quang Tiến	Kế toán trưởng	524.400.000	348.925.000	-	873.325.000
Cộng		4.485.013.636	2.238.250.000	742.500.000	7.465.763.636

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Tcots – Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Mitsui (nay là Công ty Cổ phần Tân Cảng - Gantry)	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Petro Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng - Hải Phòng	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ	1.560.830.380	2.200.811.358
Chia cổ tức	24.118.312.500	21.503.160.000
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	9.760.939.099	6.189.081.762
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	-	927.003.500
Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	7.071.906.892	8.498.424.664
Công ty Cổ phần Cung ứng Tcots - Cát Lái	9.682.288.695	11.995.270.330
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	11.160.000.000	11.100.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	313.636.364

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.14, V.15, V.17, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Toàn bộ hoạt động của Công ty là trong lĩnh vực kinh doanh cung cấp dịch vụ cho thuê tàu vận tải, vận chuyển thực hiện dịch vụ ngoài khơi. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Thông tin về doanh thu và giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

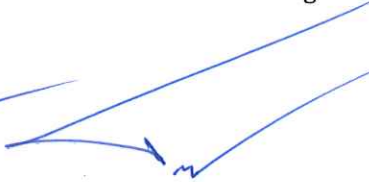
Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Đặng Hải Đăng

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tiên

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

